

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

BẢN TIN TƯ VẤN

**Phục vụ điều hành lấy nước sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021,
Lưu vực sông Cà Lồ - Ngũ Huyện Khê
(Cập nhật tình hình đến 15h ngày 30/01/2021)**

I. Tình hình nguồn nước

1. Lượng mưa

Trạm	Lượng mưa thực đo ngày (mm)		Lượng mưa dự báo ngày (mm)	
	29/01	Tính đến 13h ngày 30/01	Từ sau 13h ngày 30/01	31/01
Bến Hồ	0,0	0,0	0,1	2,7
Đáp Cầu	0,0	0,0	0,1	2,6
Thượng Cát	0,0	0,0	0,1	1,8
Trung bình	0,0	0,0	0,1	2,4

2. Điều tiết nước từ các hồ chứa thủy điện

a) Tình hình xả nước

Lượng xả nước trong 24h qua của các hồ thủy điện như bảng dưới đây:

Lưu lượng xả (m ³ /s)	Hồ Hòa Bình	Hồ Thác Bà	Hồ Tuyên Quang
Trung bình	2346,42	440,52	654,84
Lớn nhất	2354	442	671
Nhỏ nhất	2341	439	483

b) Kế hoạch tiếp tục thực hiện

Các hồ chứa sẽ tiếp tục tăng cường xả nước trong các ngày tới đảm bảo duy trì mực nước theo kế hoạch:

+ Từ 0 giờ 00' ngày 26/1 đến 24 giờ 00' ngày 02/2/2021 (8 ngày): Duy trì mực nước tại trạm Thủy văn Hà Nội đạt từ 2,0m trở lên;

II. Kết quả lấy nước

1. Tỉnh Bắc Ninh

TT	Huyện	DT kế hoạch (ha)	DT có nước		DT đã cấy	
			(ha)	% so với kế hoạch	(ha)	% so với kế hoạch
1	TP. Bắc Ninh	1.700	750	44,1	0	0
2	H. Yên Phong	4.000	2.040	51,0	0	0
3	H. Quế Võ	6.900	2.957	42,9	0	0
4	H. Tiên Du	3.600	1.872	52,0	0	0
5	TX. Từ Sơn	1.920	1.012	52,7	0	0
	Tổng	18.120	8.631	47,6	0	0

Tính đến ngày 30/01/2021, hệ thống Bắc Đuống (lưu vực sông Ngũ Huyện Khê) đã lấy nước đổ ải được 8.631 ha (chiếm 47,6% so với kế hoạch toàn tỉnh), chưa tiến hành gieo cấy.

2. Tỉnh Vĩnh Phúc

TT	Huyện	DT kế hoạch (ha)	DT có nước		DT đã cấy	
			(ha)	% so với kế hoạch	(ha)	% so với kế hoạch
1	TP. Vĩnh Yên	1.200	519	43,3	12	1,0
2	TX. Phúc Yên	2.050	105	5,1	52	2,5
3	H. Lập Thạch	4.000	2.952	73,8	600	15,0
4	H. Tam Dương	3.200	1.479	46,2	450	14,1
5	H. Tam Đảo	2.050	1.120	54,6	700	34,2
6	H. Bình Xuyên	3.800	735	19,3	220	5,8
7	H. Yên Lạc	4.550	1.885	41,4	190	4,2
8	H. Vĩnh Tường	5.750	2.005	34,9	61	1,1
9	H. Sông Lô	2.900	2.624	90,5	1.000	34,5
	Tổng	29.500	13.424	45,5	3.285	11,1

Tính đến ngày 30/01/2021, tỉnh Vĩnh Phúc đã lấy nước đổ ải được 13.424 ha (chiếm 45,5% so với kế hoạch toàn tỉnh) và tiến hành gieo cấy được 3.285 ha (chiếm 11,1% so với kế hoạch toàn tỉnh).

3. Thành phố Hà Nội

TT	Huyện	DT kế hoạch (ha)	DT có nước		DT đã cấy	
			(ha)	% so với kế hoạch	(ha)	% so với kế hoạch
1	Q. Long Biên	47	0	0,0	0	0
2	H. Sóc Sơn	9.500	565	5,9	8	0,1
3	H. Đông Anh	5.750	610	10,6	0	0
4	H. Gia Lâm	1.200	12	1,0	7	0,6
5	H. Mê Linh	4.300	1.917	44,6	0	0
	Tổng	20.797	3.104	14,9	15	0,07

Tính đến ngày 30/01/2021, thành phố Hà Nội thuộc lưu vực Cà Lồ, Ngũ Huyện Khê đã lấy nước đổ ải được 3.104 ha (chiếm 14,9% so với kế hoạch).

III. Tình hình vận hành các công trình thủy lợi trong các ngày qua

Trong ngày hôm nay (Tính đến 15h ngày 30/01/2021), tình hình vận hành các công trình lấy nước như sau:

1. Các công lấy nước

TT	Tên công	Thời gian mở công (từ giờ - đến giờ)	Mức nước thiết kế nhỏ nhất (m)	Mức nước lớn nhất (m)	Mức nước nhỏ nhất (m)	Mức nước bình quân (m)
I	Bắc Ninh					
1	C. Long Tửu	0-15h	0	2,17	1,48	1,80

2. Các trạm bơm lấy nước

TT	Tên trạm bơm	Thời gian bơm (từ giờ - đến giờ)	Số máy hoạt động	Mức nước thiết kế (m)	Mức nước lớn nhất (m)	Mức nước nhỏ nhất (m)	Mức nước BQ bề hút (m)
I	Vĩnh Phúc						
1	TB. Bạch Hạc (cũ/mới)	0-15h	2	5,47/2,5	5,31	5,27	5,28
2	TB. Đại Định (cũ/mới)	0-15h	3	5,57/2,6	4,69	4,63	4,66
II	Hà Nội						
1	TB. Ấp Bắc (cũ/mới)	0-15h	3	2,6/0,5	2,31	1,78	2,03

IV. Dự kiến vận hành các công trình trong các ngày tiếp theo

Dựa trên việc tính toán điều kiện dòng chảy trên hệ thống sông, kiến nghị việc vận hành các công trình thủy lợi trong ngày 31/01/2021 như sau,

1. Các công lấy nước

TT	Tên công	Thời gian mở cống (từ giờ - đến giờ)	Mức nước thiết kế nhỏ nhất (m)	Mức nước lớn nhất (m)	Mức nước nhỏ nhất (m)	Mức nước bình quân (m)
I	Bắc Ninh					
1	C. Long Tửu	0-24h	0	2,21	1,51	1,88

2. Các trạm bơm lấy nước

TT	Tên trạm bơm	Thời gian bơm (từ giờ - đến giờ)	Số máy hoạt động	Mức nước thiết kế (m)	Mức nước lớn nhất (m)	Mức nước nhỏ nhất (m)	Mức nước BQ bề hút (m)
I	Vĩnh Phúc						
1	TB. Bạch Hạc (cũ/mới)	0-24h	2	5,47/2,5	5,29	5,25	5,28
2	TB. Đại Định (cũ/mới)	0-24h	3	5,57/2,6	4,65	4,61	4,63
II	Hà Nội						
1	TB. Ấp Bắc (cũ/mới)	0-24h	3	2,6/0,5	2,26	1,76	2,03

Bản tin này sẽ phát hành lúc 15 giờ hàng ngày trong các đợt lấy nước.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

Bảng 1: Dự báo lưu lượng, mực nước xả theo thời gian thực tại các vị trí theo lưu lượng xả dự kiến của EVN

Ngày và giờ	Lưu lượng xả tại các hồ thủy điện (m ³ /s)			Mức nước tại các vị trí (m)			
	Hồ Hòa Bình	Hồ Thác Bà	Hồ Tuyên Quang	TB. Bạch Hạc	TB. Đại Định	TB. Áp Bắc	C. Long Tuyền
30/01/2021 15:00	2345	440	454	5,27	4,62	2,26	2,21
30/01/2021 16:00	2345	440	454	5,28	4,63	2,26	2,18
30/01/2021 17:00	2345	440	454	5,28	4,64	2,24	2,13
30/01/2021 18:00	2345	440	454	5,28	4,64	2,21	2,09
30/01/2021 19:00	2345	440	454	5,29	4,64	2,18	2,04
30/01/2021 20:00	2345	440	454	5,29	4,65	2,15	1,99
30/01/2021 21:00	2345	440	454	5,29	4,65	2,11	1,94
30/01/2021 22:00	2345	440	454	5,29	4,65	2,07	1,88
30/01/2021 23:00	2345	440	454	5,29	4,65	2,03	1,82
31/01/2021 00:00	2345	440	454	5,29	4,64	1,99	1,77
31/01/2021 01:00	2345	440	454	5,29	4,64	1,95	1,74
31/01/2021 02:00	2345	440	454	5,29	4,64	1,91	1,69
31/01/2021 03:00	2345	440	454	5,29	4,64	1,88	1,63
31/01/2021 04:00	2345	440	454	5,29	4,64	1,84	1,58
31/01/2021 05:00	2345	440	454	5,29	4,63	1,81	1,54
31/01/2021 06:00	2345	440	454	5,29	4,63	1,78	1,51
31/01/2021 07:00	2345	440	454	5,29	4,63	1,76	1,51
31/01/2021 08:00	2345	440	454	5,29	4,62	1,78	1,59
31/01/2021 09:00	2345	440	454	5,28	4,62	1,84	1,73
31/01/2021 10:00	2345	440	454	5,28	4,62	1,92	1,87
31/01/2021 11:00	2345	440	454	5,27	4,61	2,02	1,99
31/01/2021 12:00	2345	440	454	5,27	4,61	2,10	2,09
31/01/2021 13:00	2345	440	454	5,26	4,61	2,16	2,16
31/01/2021 14:00	2345	440	454	5,26	4,61	2,21	2,20
31/01/2021 15:00	2345	440	454	5,25	4,61	2,24	2,21